

DAY HỌC KẾT HỢP TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC: PHÂN TÍCH TỔNG QUAN TỪ GÓC NHÌN QUỐC TẾ

Nguyễn Thị Duyên

Khoa Khoa học và Công nghệ giáo dục - Đại học Bách khoa Hà Nội

Email: duyen.nguyenthi@hust.edu.vn

Article history

Received: 20/4/2025

Accepted: 22/5/2025

Published: 20/7/2025

Keywords

Blended Learning, higher education, overview

ABSTRACT

Amid the rapid digital transformation and increasing demand for flexible learning, blended learning has become a prevailing trend in higher education worldwide. Synthesizing existing research on this topic is essential to derive practical lessons for implementing blended learning effectively in Vietnam. This study reviews 26 journal articles, examining key aspects including teaching strategies, learners' perceptions and satisfaction, benefits of participation, factors influencing learning outcomes, and strategies to enhance the effectiveness of blended learning initiatives. The findings suggest that although blended learning offers significant potential to improve educational outcomes, several challenges persist, notably technological barriers and limited learner interaction. These insights provide a critical foundation for designing teacher training programs and investing in infrastructure to support the successful adoption of blended learning in Vietnam. Furthermore, the study identifies research gaps that warrant further investigation in future studies on this subject.

1. Mở đầu

Đại dịch Covid-19 đã tạo ra một bước ngoặt lớn trong giáo dục toàn cầu, buộc các cơ sở đào tạo phải nhanh chóng chuyển đổi sang các mô hình giảng dạy linh hoạt hơn. Trong bối cảnh đó, dạy học kết hợp (Blended Learning) đã khẳng định vai trò như một giải pháp hiệu quả, kết hợp giữa học trực tuyến và trực tiếp nhằm đảm bảo tính liên tục, linh hoạt và tương tác trong quá trình học tập. Sau đại dịch, dạy học kết hợp không chỉ được duy trì mà còn tiếp tục phát triển mạnh mẽ tại nhiều quốc gia, trở thành một mô hình sư phạm chủ đạo trong thời kỳ hậu Covid-19. Mô hình này mở ra nhiều cơ hội đổi mới nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức về tổ chức dạy học, đảm bảo chất lượng và tối ưu hóa trải nghiệm người học.

Tại Việt Nam, một số cơ sở giáo dục đại học đã bước đầu triển khai dạy học kết hợp nhưng vẫn có những rào cản lớn do thiếu nền tảng lý luận vững chắc và chưa tiếp cận đầy đủ các bài học từ kinh nghiệm quốc tế. Trước thực tiễn đó, bài báo này thực hiện phân tích tổng quan 26 nghiên cứu quốc tế công bố tập trung vào các chủ đề chính: chiến lược dạy học, nhận thức và sự hài lòng của người học, lợi ích khi tham gia học tập, các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập và biện pháp nâng cao hiệu quả triển khai dạy học kết hợp. Mục tiêu của bài báo là cung cấp cái nhìn toàn cảnh, có cơ sở khoa học rõ ràng nhằm góp phần định hướng triển khai dạy học kết hợp phù hợp với bối cảnh giáo dục đại học tại Việt Nam.

2. Kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu Scopus thuộc nhà xuất bản Elsevier - Hà Lan, là cơ sở dữ liệu lớn và có khả năng tin cậy cao. Việc trích xuất thông tin được thực hiện qua tài khoản cá nhân có trả phí và thời gian trích xuất dữ liệu là tháng 12/2024 với các chuỗi từ khóa tìm kiếm như sau: 1/ ("blended learning" OR "b-learning" OR "e-learning" OR "online learning") AND ("college student*" OR "university student*"); 2/ ("blended learning" OR "b-learning" OR "e-learning" OR "online learning") AND ("college student*" OR "university student*") AND ("higher education"); 3/ ("blended learning" OR "b-learning") AND ("college student*" OR "university student*"); 4/ ("blended learning" OR "b-learning") AND ("college student*" OR "university student*"). Giới hạn việc tìm kiếm trong: Subject area: Social sciences; loại tài liệu: Article và review, loại trừ hội thảo; giới hạn ngôn ngữ với tiếng Anh. Với chuỗi từ khóa tìm kiếm như trên thì kết quả thu được như sau: Chuỗi từ khóa 1 có 1753 kết quả. Chuỗi từ khóa 2 có 484 kết quả. Chuỗi từ khóa 3 có 82 kết quả. Chuỗi từ khóa 4 có 263 kết quả. Việc lựa chọn các tài liệu nghiên cứu để đánh giá được thực hiện qua 4 giai đoạn (Nhận dạng; Sàng lọc ban đầu; Xác định tiêu chí lựa chọn và loại trừ; Lựa chọn nghiên cứu) với các tiêu chí lựa chọn tài liệu: Đối tượng nghiên cứu là sinh viên; Loại

nghiên cứu là bài báo khoa học; Ngôn ngữ viết là tiếng Anh và tiêu đề hoặc tóm tắt tài liệu có chứa đựng từ khoá tìm kiếm. Kết quả có 26 nghiên cứu phù hợp, nội dung các nghiên cứu tập trung vào các vấn đề dưới đây:

2.1. Những nghiên cứu về chiến lược, cách thức dạy học kết hợp

Dạy học kết hợp đang dần trở thành một chiến lược giảng dạy chủ đạo trong giáo dục đại học, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Nhiều nghiên cứu đã phân tích các chiến lược tổ chức và cách thức thực hiện dạy học kết hợp, có thể hệ thống thành ba chủ đề chính: (1) Thiết kế học tập gắn với phát triển năng lực; (2) Xây dựng động lực và tương tác học tập; (3) Tích hợp công nghệ và sự phạm.

Một trong những chiến lược nổi bật là tổ chức hoạt động học tập hướng đến phát triển năng lực. Tác giả Navío-Marco và cộng sự (2023) đã triển khai mô hình học kết hợp gắn với thực hành các kỹ năng nghề nghiệp giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp và sự chủ động. Cũng theo tác giả thì dạy học kết hợp giúp người học rèn luyện khả năng quản lý thời gian, từ đó thích nghi với bối cảnh làm việc linh hoạt. Một chiến lược khác cũng được áp dụng đó là dạy học kết hợp thông qua chương trình “nghệ thuật sống - The art of living”. Chiến lược này hướng đến nuôi dưỡng thái độ tích cực, khả năng chăm sóc bản thân và giao tiếp xã hội - đặc biệt hiệu quả đối với sinh viên có điểm xuất phát tâm lý thấp (Green & Rizwan, 2023). Điều đó cho thấy dạy học kết hợp có thể tạo ra tác động phân hóa tích cực nếu được thiết kế đúng định hướng phát triển cá nhân.

Tăng cường động lực, sự tham gia và tương tác người học cũng là vấn đề được các nhà nghiên cứu quan tâm. Canales-Ronda và Aragonés-Jericó (2022) đã nhấn mạnh tầm quan trọng của động lực bên trong và sự tương tác trong việc thiết kế học tập. Các chiến lược dạy học cần khuyến khích thảo luận nhóm, phản hồi thường xuyên và hoạt động chủ động giúp sinh viên phát triển kỹ năng mềm và nâng cao hiệu quả học tập. Theo Wang và cộng sự (2023) các yếu tố bên trong như sự tự tin và khả năng tự học có ảnh hưởng mạnh hơn yếu tố bên ngoài đến sự hài lòng trong học tập kết hợp. Tác giả Nikolopoulou và Zacharis (2023) bổ sung rằng sinh viên có nhận thức tích cực khi được giao quyền tự chủ lựa chọn nội dung, quản lý tiến độ học.

Một khía cạnh khác là việc tích hợp yếu tố công nghệ và sự phạm trong tổ chức dạy học kết hợp. Hệ thống học tập cần có giao diện thân thiện, tài nguyên dồi dào và hỗ trợ tương tác tốt (Yu et al., 2023). Tuy nhiên, yếu tố quyết định vẫn là vai trò giảng viên - người định hướng, kết nối và thúc đẩy tư duy người học. Dạy học kết hợp hiệu quả khi có sự kết hợp giữa công nghệ và phương pháp sự phạm của người thầy theo định hướng lấy người học làm trung tâm (Yu et al., 2023).

Như vậy, dạy học kết hợp sẽ phát huy hiệu quả tối đa khi được thiết kế dựa trên quan điểm dạy học lấy người học làm trung tâm, tích hợp hài hòa giữa công nghệ và định hướng phát triển năng lực cá nhân, đồng thời thúc đẩy sự chủ động, tương tác và tự điều chỉnh của người học trong quá trình học tập.

2.2. Nghiên cứu nhận thức của người học về dạy học kết hợp

Nhận thức của người học về dạy học kết hợp có vai trò quan trọng trong việc hình thành thái độ, hành vi học tập. Khi người học nhận thức được lợi ích, cơ hội khi học tập thì sẽ có xu hướng tham gia học tập tích cực hơn. Nhận thức của sinh viên về dạy học kết hợp liên quan đến ba yếu tố: nhận thức, xã hội và giảng dạy. Trong đó, giảng dạy là yếu tố có ảnh hưởng lớn đến nhận thức và sự tham gia học tập của người học (Huang & Lee, 2022). Điều này cho thấy vai trò định hướng và hỗ trợ của giảng viên vẫn rất quan trọng trong dạy học kết hợp. Một trong những yếu tố then chốt tiếp theo có ảnh hưởng đến nhận thức là mức độ được trao quyền trong học tập. Khi sinh viên được lựa chọn nhiệm vụ, có quyền tự điều chỉnh tiến độ học và nhận được phản hồi từ giảng viên thì họ có xu hướng tham gia học tập nhiều hơn (Huang et al., 2022). Ngoài yếu tố học thuật, nhận thức của người học còn bị chi phối bởi trải nghiệm xã hội và mức độ kết nối. Nghiên cứu của Turu và cộng sự (2023) cho thấy rằng dù sinh viên đánh giá cao tính linh hoạt và cá nhân hóa của dạy học kết hợp nhưng họ vẫn cảm thấy thiếu kết nối xã hội. Cảm giác cô lập do thiếu tương tác này có thể làm giảm mức độ hài lòng và động lực học tập của sinh viên. Hơn nữa, Kemp (2020) đã chỉ ra mặc dù sinh viên đầu tư thời gian và công sức tương đương cho cả học trực tiếp và trực tuyến nhưng họ vẫn nhận định rằng học trực tiếp mang lại trải nghiệm sâu sắc hơn. Điều này nhấn mạnh rằng mức độ tương tác thực dù trong lớp hay qua hệ thống vẫn là yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới nhận thức về hiệu quả học tập kết hợp.

Như vậy, nhận thức của người học về dạy học kết hợp phụ thuộc vào thiết kế sự phạm nhất quán, sự hỗ trợ từ giảng viên, mức độ tự chủ và trải nghiệm tương tác xã hội. Khi các yếu tố này được đảm bảo, người học sẽ chủ động, hứng thú và đạt hiệu quả cao hơn trong quá trình học tập.

2.3. Nghiên cứu về lợi ích khi tham gia học tập theo hình thức dạy học kết hợp

Một trong những lợi ích rõ rệt của dạy học kết hợp là giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập. Nghiên cứu của Cedillo-Hernandez và Velazquez-Garcia (2022) tại Mexico cho thấy nhóm sinh viên học theo dạy học kết hợp có

điểm trung bình cao hơn và thái độ học tập tích cực hơn so với nhóm học truyền thống. Bên cạnh đó, dạy học kết hợp giúp sinh viên phát triển khả năng tự định hướng, đặt mục tiêu và giám sát quá trình học hiệu quả hơn (Nikolopoulou & Zacharis, 2023).

Học tập kết hợp không chỉ hỗ trợ kiến thức chuyên môn mà còn thúc đẩy phát triển kỹ năng cá nhân và năng lực nghề nghiệp của người học. Navío-Marco và cộng sự (2023) cho rằng việc tích hợp các hoạt động như sản xuất video và làm việc nhóm giúp sinh viên rèn luyện tư duy phản biện và kỹ năng hợp tác, giúp người học chuẩn bị tốt cho quá trình chuyển tiếp từ môi trường học thuật sang nghề nghiệp thực tiễn. Một nghiên cứu khác chỉ ra rằng sinh viên các ngành khoa học và nghiên cứu Hồi giáo nhận thức rõ ràng lợi ích của dạy học kết hợp trong việc phát triển kỹ năng và đạt kết quả học tập tốt hơn (Ali, 2023). Ngoài ra, nghiên cứu của Ma và cộng sự (2019) cũng chỉ ra, sinh viên đánh giá cao việc phát triển kỹ năng tư duy phản biện và năng lực tìm kiếm thông tin khi học kết hợp.

Lợi ích tiếp theo của dạy học kết hợp là tăng cường tính linh hoạt và khả năng tự học. Sinh viên đánh giá cao khả năng học tập cá nhân hóa mà dạy học kết hợp mang lại (Turu et al., 2023). Họ có thể học theo tiến độ riêng, chủ động quản lý thời gian, đồng thời cảm thấy việc học không bị gián đoạn ngay cả trong bối cảnh khó khăn như đại dịch.

Như vậy, các nghiên cứu cho thấy dạy học kết hợp mang lại nhiều lợi ích rõ rệt trong giáo dục đại học, từ việc cải thiện kết quả học tập, phát triển kỹ năng cá nhân, đến khả năng thích nghi và chuẩn bị nghề nghiệp. Tuy nhiên, để tối ưu hóa các lợi ích này thì việc thiết kế học tập cần phù hợp với đặc điểm người học, ngành học và cần được triển khai nhất quán với sự đồng hành hỗ trợ của giảng viên và nhà trường.

2.4. Nghiên cứu về sự hài lòng và sở thích của người học khi tham gia học tập theo hình thức dạy học kết hợp

Sự hài lòng và sở thích học tập là yếu tố quan trọng phản ánh chất lượng và hiệu quả của dạy học kết hợp. Nhiều nghiên cứu gần đây đã tiếp cận vấn đề này từ nhiều góc độ nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất các cải tiến sư phạm phù hợp. Yếu tố nội tại của người học như động lực cá nhân, năng lực tự học và sự tự tin vào khả năng học tập là những thành tố quan trọng ảnh hưởng đến sự hài lòng của người học. Trong số các yếu tố nội tại thì sự tự tin vào năng lực học tập là yếu tố tác động mạnh nhất đến sự hài lòng. Các yếu tố nội tại có ảnh hưởng lớn hơn so với yếu tố bên ngoài như cơ sở vật chất hay công nghệ (Wang et al., 2023). Ngoài ra, nghiên cứu của Nikolopoulou và Zacharis (2023) tại Hy Lạp cũng nhấn mạnh vai trò của khả năng tự chủ trong học tập. Những sinh viên có xu hướng học độc lập, biết đặt mục tiêu cá nhân và có kỹ năng theo dõi tiến trình học tập thường có mức độ hài lòng cao hơn. Một yếu tố thiết yếu khác ảnh hưởng đến sự hài lòng là thiết kế và tổ chức của khóa học. Một nghiên cứu đã nêu rằng sinh viên đánh giá cao tính linh hoạt của các khóa học kết hợp. Những yếu tố như sự sẵn sàng của giảng viên, tính nhất quán trong việc sử dụng công cụ học tập và khả năng tự điều chỉnh lịch học là những yếu tố giúp gia tăng sự hài lòng sinh viên (Turu, van Rossum & Gridley, 2023). Tương tự, chất lượng thiết kế của hệ thống học tập điện tử và mức độ tương tác mà nó tạo ra có ảnh hưởng lớn đến sự hài lòng của người học. Nếu hệ thống không rõ ràng, thiếu cơ chế hỗ trợ tương tác thì sinh viên sẽ khó cảm thấy hài lòng (Nikou & Maslov, 2023). Sự phù hợp giữa tổ chức dạy học kết hợp với đặc điểm ngành học là một yếu tố không thể bỏ qua. Nghiên cứu của Ali (2023) đã chỉ ra sinh viên thuộc ngành Khoa học và nghiên cứu Hồi giáo có xu hướng hài lòng hơn với mô hình dạy học kết hợp, trong khi sinh viên các ngành như du lịch, khách sạn và kinh doanh lại thể hiện thái độ tiêu cực hơn. Nghiên cứu thực nghiệm của Cedillo-Hernandez và Velazquez-Garcia (2022) tại Mexico đã chỉ ra rằng sinh viên học theo mô hình dạy học kết hợp đạt điểm trung bình cao hơn và hài lòng hơn so với nhóm học theo phương pháp truyền thống. Sinh viên đánh giá dạy học kết hợp “hữu ích hơn, thúc đẩy học tập tốt hơn và đáp ứng kỳ vọng”.

Như vậy, sự hài lòng và sở thích của sinh viên trong học tập kết hợp chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố: từ đặc điểm cá nhân như năng lực tự học, động lực và giới tính đến yếu tố tổ chức như thiết kế khóa học, tính linh hoạt, công cụ công nghệ và cả yếu tố xã hội và ngành học cụ thể. Việc nắm bắt các yếu tố này sẽ giúp chúng ta có cơ sở xây dựng các chương trình dạy học kết hợp phù hợp với nhu cầu đa dạng của người học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

2.5. Nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của người học khi tham gia học tập theo hình thức dạy học kết hợp

Những yếu tố thuộc về cá nhân người học như động lực nội tại, khả năng tự học và tinh thần tự chủ đóng vai trò quyết định đến hiệu quả học tập. Sự tự tin vào năng lực của bản thân là yếu tố nội tại quan trọng nhất thúc đẩy sự hài lòng và kết quả học tập (Wang et al., 2023). Những sinh viên có khả năng học độc lập, biết tự đặt mục tiêu và quản lý quá trình học tập thường có trải nghiệm tích cực hơn với mô hình học tập kết hợp. Sự tham gia của sinh viên vào các hoạt động học tập trong môi trường học tập trực tuyến hoặc kết hợp có ảnh hưởng đến kết quả học tập của họ (Nikolopoulou & Zacharis, 2023). Ngoài ra, nghiên cứu của Ahmad và cộng sự (2022) cảnh báo rằng căng thẳng, lo âu và trầm cảm là những rào cản đáng kể trong học tập trực tuyến và kết hợp. Ngay cả khi hạ tầng công nghệ và nội

dụng học tập được đảm bảo, sinh viên gặp vấn đề tâm lý vẫn khó đạt được kết quả tốt. Do đó, các tác giả khuyến nghị cần triển khai các chương trình hỗ trợ tâm lý cho sinh viên. Bên cạnh đó, tác giả Lo (2024) đã phân tích tác động của dạy học kết hợp đến sự tham gia học tập qua các khía cạnh: học thuật, hành vi, nhận thức và cảm xúc. Kết quả cho thấy dạy học kết hợp có ảnh hưởng tích cực đến sự tham gia học tập và kết quả học tập của sinh viên. Yếu tố tiếp theo có ảnh hưởng đến kết quả học tập của người học là tính linh hoạt của phương thức học trực tuyến (Tran & Le, 2024). Mặt khác, sự thiếu vắng tương tác trực tiếp và hạn chế trong trải nghiệm thực hành đã làm giảm động lực và khả năng tham gia của một số người học. Đây là minh chứng cho thấy hiệu quả học tập trong môi trường kết hợp phụ thuộc không chỉ vào nội dung mà còn vào khả năng tạo ra tương tác và trải nghiệm học tập đa dạng (Tran & Le, 2024). Một yếu tố quan trọng khác là chất lượng thiết kế khóa học. Nikou và Maslov (2023) khẳng định sự rõ ràng trong định hướng sự phạm, giao diện thân thiện và mức độ tương tác từ hệ thống học tập điện tử là yếu tố ảnh hưởng mạnh đến sự hài lòng và hiệu quả học tập. Một nghiên cứu khác đã chỉ ra chất lượng hệ thống có ảnh hưởng tích cực đến hành vi học tập, sẽ thúc đẩy hành vi và kết quả học tập (Zhang et al, 022). Ngoài ra, thiết kế không gian lớp học, cụ thể là bố trí chỗ ngồi hình bán nguyệt có thể cải thiện sự tham gia và hiệu quả học tập rõ rệt so với bố trí hàng dọc truyền thống trong lớp học tiếng Anh (Yang et al., 2022). Tính đặc thù ngành học cũng là một yếu tố quan trọng trong việc triển khai dạy học kết hợp. Nghiên cứu của Nguyen và Do (2024) cho thấy học trực tuyến có tác động vừa đến thành tích học tập, đặc biệt trong các lĩnh vực Y học, Kỹ thuật và Khoa học tự nhiên. Tuy nhiên, những ngành khoa học xã hội lại ghi nhận nhiều khó khăn hơn, cho thấy tính đặc thù ngành học cũng là một yếu tố cần xem xét trong triển khai dạy học kết hợp (Nguyen & Do, 2024). Ngoài ra, Kusi và Boateng (2024) cũng xác định các rào cản phổ biến trong việc triển khai dạy học kết hợp gồm học thụ động, thiết kế hạn chế, thiếu đào tạo cho giảng viên và người học... Một nghiên cứu khác còn cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa các quốc gia thuộc Bắc và Nam bán cầu trong cách tiếp cận và vượt qua những thách thức này, từ đó khuyến nghị các chính sách phù hợp với bối cảnh địa phương để tăng hiệu quả triển khai dạy học kết hợp. (Kusi & Boateng, 2024).

Kết quả học tập của người học không chỉ phụ thuộc vào công nghệ mà còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau bao gồm yếu tố cá nhân, tâm lý, thiết kế khóa học, sự hỗ trợ hệ thống và đặc điểm ngành học. Việc hiểu rõ và cải thiện các yếu tố này là nền tảng để triển khai dạy học kết hợp một cách hiệu quả.

2.6. Nghiên cứu về giải pháp nâng cao hiệu quả học tập của người học khi tham gia học tập theo hình thức dạy học kết hợp

Để tổ chức dạy học kết hợp hiệu quả đòi hỏi sự đầu tư đồng bộ về thiết kế sự phạm, hỗ trợ học tập và môi trường học tập. Các nghiên cứu gần đây đã cung cấp nhiều minh chứng và giải pháp cụ thể nhằm tối ưu hóa kết quả học tập trong bối cảnh học tập kết hợp. Đầu tiên, các nghiên cứu hướng đến các giải pháp thiết kế sự phạm phù hợp với đặc điểm người học và nội dung môn học. Green và Rizwan (2023) đã thiết kế một khóa học tích hợp mô hình dạy học kết hợp vào môn “nghệ thuật sống” tại Pakistan. Khóa học được xây dựng xoay quanh các hoạt động trực tuyến kết hợp với thảo luận nhóm trực tiếp, tập trung phát triển kỹ năng cá nhân và giao tiếp xã hội. Kết quả cho thấy sinh viên trong nhóm học kết hợp có mức độ phát triển cảm xúc tích cực và cảm giác có ý nghĩa cao hơn, đặc biệt ở nhóm có điểm khởi đầu thấp. Tương tự, nghiên cứu của Alsalmi và cộng sự (2021) tại Đại học Ajman cho thấy việc kết hợp học lý thuyết trực tuyến và thực hành trực tiếp trong môn Vật lý giúp cải thiện đáng kể kết quả thi cuối kỳ của sinh viên ngành Nha khoa. Cả hai nghiên cứu đều khẳng định rằng việc khi tổ chức dạy học kết hợp thì thiết kế bài học phù hợp với nội dung và nhu cầu người học sẽ nâng cao hiệu quả học tập rõ rệt. Giải pháp tiếp theo là hướng đến phát triển kỹ năng tự học và hỗ trợ người học thực hiện hoạt động học tập. Wang và cộng sự (2023) xác định rằng sự tự tin vào năng lực cá nhân và khả năng tự điều chỉnh có ảnh hưởng đáng kể đến sự hài lòng và kết quả học tập. Từ đó, nhóm tác giả khuyến nghị thiết kế các nền tảng và hoạt động học tập giúp sinh viên phát triển kỹ năng lên kế hoạch, theo dõi tiến trình và tự đánh giá. Một nghiên cứu khác thì nhấn mạnh tầm quan trọng của sự linh hoạt và hỗ trợ kịp thời từ giảng viên trong việc giúp sinh viên nắm bắt thích nghi với mô hình học tập kết hợp. Khi sinh viên được hướng dẫn rõ ràng, hỗ trợ đúng lúc và biết điều chỉnh tốc độ học tập thì họ sẽ cảm thấy hài lòng và tiếp thu hiệu quả hơn (Turu et al., 2023). Ứng dụng công nghệ gắn với đổi mới phương pháp sự phạm cũng là giải pháp được các nhà nghiên cứu đề xuất, cụ thể: Hasan và cộng sự (2021) đã khảo sát trải nghiệm dạy học kết hợp tại Ấn Độ và Bangladesh trong bối cảnh đại dịch và nhận thấy rằng các công cụ trực tuyến như diễn đàn, lớp học ảo và hệ thống chia sẻ tài liệu giúp duy trì sự tương tác hiệu quả. Tuy nhiên, để phát huy tối đa vai trò của công nghệ cần đồng thời đổi mới phương pháp sự phạm và nâng cao năng lực số cho giảng viên. Các tác giả khuyến nghị đào tạo kỹ năng sự phạm số và xây dựng nội dung học tương tác là giải pháp then chốt để nâng cao chất lượng dạy học kết hợp.

Bên cạnh công nghệ và sư phạm, môi trường học tập cũng có vai trò then chốt trong việc tạo động lực và thúc đẩy hiệu quả học tập. Nghiên cứu của Chen và Wang (2024) cho rằng các yếu tố động lực vui thích và điều kiện hỗ trợ có ảnh hưởng tích cực đến hành vi của người học, đây là cơ sở trung gian làm gia tăng hiệu quả học tập trong môi trường dạy học kết hợp.

Từ các nghiên cứu có thể khẳng định rằng hiệu quả của dạy học kết hợp phụ thuộc vào sự kết hợp đồng bộ giữa thiết kế sư phạm phù hợp, phát triển kỹ năng tự học và ứng dụng công nghệ hiệu quả. Đồng thời, việc xây dựng môi trường học tập tích cực, linh hoạt và có hệ thống hỗ trợ đầy đủ cũng đóng vai trò quan trọng. Khi các yếu tố này được triển khai phù hợp trong dạy học kết hợp sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực toàn diện người học.

2.7. Khoảng trống nghiên cứu

Các nghiên cứu bên trên đã cung cấp nền tảng lý luận phong phú về dạy học kết hợp, tuy nhiên vẫn tồn tại một số khoảng trống nghiên cứu đáng chú ý như sau: Thứ nhất, nhiều nghiên cứu hiện nay tập trung vào mô tả lợi ích và trải nghiệm người học trong dạy học kết hợp, nhưng vẫn thiếu các nghiên cứu sâu hơn về cơ chế tác động giữa các yếu tố bên trong và bên ngoài đến kết quả học tập. Việc này gây khó khăn trong việc đề xuất các chiến lược can thiệp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả học tập. Thứ hai, hầu hết nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, chưa phân tích sâu sự khác biệt giữa các nhóm người học theo ngành học, năm học hoặc đặc điểm cá nhân (kỹ năng số, phong cách học tập...). Điều này dẫn đến thiếu hụt các khuyến nghị sư phạm có tính cá nhân hóa cao, phù hợp với đối tượng người học khác nhau. Thứ ba, phần lớn các nghiên cứu được thực hiện tại các quốc gia phương Tây hoặc nền giáo dục phát triển. Cuối cùng, nhiều nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở khảo sát ngắn hạn trong một học kỳ hoặc một vài học phần mà chưa theo dõi tác động dài hạn của dạy học kết hợp đến sự phát triển kỹ năng học tập suốt đời, năng lực nghề nghiệp hay khả năng thích nghi với môi trường làm việc thực tế của sinh viên sau tốt nghiệp.

3. Kết luận

Kết quả tổng quan 26 nghiên cứu cho thấy dạy học kết hợp mang lại nhiều lợi ích trong đổi mới giáo dục đại học nhưng cũng đặt ra những thách thức về thiết kế chương trình, quản lý tổ chức dạy học và hỗ trợ người học. Hiệu quả học tập trong môi trường kết hợp chịu tác động bởi nhiều yếu tố như động lực cá nhân, năng lực tự học, tương tác xã hội và điều kiện cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu phân tích sâu cơ chế tác động giữa các yếu tố bên trong và bên ngoài đến kết quả học tập. Phần lớn các nghiên cứu mang tính ngắn hạn, định lượng và được thực hiện ở các quốc gia phát triển nên các khuyến nghị chưa phù hợp với điều kiện giáo dục tại Việt Nam. Do đó, các nghiên cứu trong tương lai cần được mở rộng theo hướng đa phương pháp, dài hạn và trong bối cảnh nước ta nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc triển khai hiệu quả dạy học kết hợp trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam.

Lời cảm ơn: Tác giả cảm ơn sự tài trợ của Đại học Bách khoa Hà Nội thông qua đề tài với mã số T2023-PC-077.

Tài liệu tham khảo

- Ahmad, N. S., Ismail, A., & Husain, Z. (2022). Psychological well-being impacts among university students on online learning during the COVID-19 pandemic. *International Journal of Public Health Science*, 11(3), 1037-1045. <https://doi.org/10.11591/ijphs.v11i3.21413>
- Ali, R. (2023). Institutional adoption and implementation of blended learning: Differences in student perceptions. *Turkish Online Journal of Distance Education*, 24(1), 37-53. <https://doi.org/10.17718/tojde.973869>
- Alsahhi, N. R., Eltahir, M., Dawi, E., Abdelkader, A., & Zyoud, S. (2021). The effect of blended learning on the achievement in a physics course of students of a dentistry college: A case study at Ajman University. *Electronic Journal of e-Learning*, 19(1), 1-17. <https://doi.org/10.34190/ejel.19.1.1992>
- Armellini, A., Teixeira Antunes, V., & Howe, R. (2021). Student perspectives on learning experiences in a higher education active blended learning context. *TechTrends*, 65(4), 433-443. <https://doi.org/10.1007/s11528-021-00593-w>
- Canales-Ronda, P., & Aragonés-Jericó, C. (2022). Agile methodologies in times of pandemic: Acquisition of employment skills in higher education. *Education + Training*, 64(6), 811-825. <https://doi.org/10.1108/ET-12-2021-0445>
- Cedillo-Hernandez, A., & Velazquez-Garcia, L. (2022). Impact of the b-Learning model on university teaching. *International Journal of Information and Education Technology*, 12(5), 378-383. <https://doi.org/10.18178/ijiet.2022.12.5.1630>
- Chen, X., & Wang, Y. (2024). The impact of blended learning environment on learning effectiveness: Exploring the role of behavioral intention and self-efficacy via UTAUT2. *SAGE Open*. <https://doi.org/10.1177/21582440241251604>

- Green, Z. A., & Rizwan, S. (2023). Art-of-living intervention imparted through a blended learning approach to nurture positivity among Pakistan's university students during COVID-19: A growth curve analysis. *Journal of Happiness Studies*, 24(6), 1931-1962. <https://doi.org/10.1007/s10902-023-00664-0>
- Hasan, K. K., Mukherjee, D., & Saha, M. (2021). Learning continuity during COVID-19 pandemic using the virtual classroom—a cross-border experimental multi-case approach. *Journal of Education Culture and Society*, 12(1), 335-345. <https://doi.org/10.15503/jecs2021.1.335.345>
- Huang, M., Kuang, F., & Ling, Y. (2022). EFL learners' engagement in different activities of blended learning environment. *Asian-Pacific Journal of Second and Foreign Language Education*, 7(1). <https://doi.org/10.1186/s40862-022-00136-7>
- Huang, Q., & Lee, V. W. Y. (2022). Exploring first-year university students' blended learning experiences during the COVID-19 through the community of inquiry model. *International Journal of Information and Learning Technology*, 39(4), 373-385. <https://doi.org/10.1108/IJILT-02-2022-0024>
- Kemp, N. (2020). University students' perceived effort and learning in face-to-face and online classes. *Journal of Applied Learning and Teaching*, 3(Special Issue 1), 69-77. <https://doi.org/10.37074/jalt.2020.3.s1.14>
- Kusi, H., & Boateng, R. (2024). Challenges of blended learning in Global North and South higher education: A systematic and integrative review. *Social Sciences & Humanities Open*. <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2590291124002080>
- Lo, K. H. (2024). Effective student engagement in blended learning: A systematic review. *Heliyon*. <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2405844024154709>
- Ma, J., Li, C., & Liang, H.-N. (2019). Enhancing students' blended learning experience through embedding metaliteracy. *Education Research International*, 2019. <https://doi.org/10.1155/2019/6791058>
- Navío-Marco, J., Sánchez-Figueroa, C., & Galán, A. (2023). Business internships for bachelor's degrees at blended learning universities: A pilot study to assess the transition from hybrid studies to the workplace. *International Journal of Management Education*, 21(2). <https://doi.org/10.1016/j.ijme.2023.100821>
- Nguyen, T. L., & Do, V. T. (2024). A meta-analysis of online learning's impact on academic achievement in higher education during COVID-19. *Interactive Learning Environments*. <https://doi.org/10.1080/10494820.2024.2375347>
- Nikou, S., & Maslov, I. (2023). Finnish university students' satisfaction with e-learning outcomes during the COVID-19 pandemic. *International Journal of Educational Management*, 37(1), 1-21. <https://doi.org/10.1108/IJEM-04-2022-0166>
- Nikolopoulou, K., & Zacharis, G. (2023). Blended learning in a higher education context: Exploring university students' learning behavior. *Education Sciences*, 13(5). <https://doi.org/10.3390/educsci13050514>
- Tran, H. T., & Le, M. T. (2024). The impact of online learning on student performance and engagement: A systematic review. *Discover Education*. <https://doi.org/10.1007/s44217-024-00253-0>
- Turu, M., van Rossum, T., & Gridley, N. (2023). Starting university during the COVID-19 pandemic: A small-scale study of first-year education students' expectations, experiences and preferences. *Learning and Teaching*, 16(1), 77-97. <https://doi.org/10.3167/latiss.2023.160105>
- Wang, X., Chen, X., Wu, X., Lu, J., Xu, B., & Wang, H. (2023). Research on the influencing factors of university students' learning ability satisfaction under the blended learning model. *Sustainability*, 15(16). <https://doi.org/10.3390/su151612454>
- Yang, X., Zhou, X., & Hu, J. (2022). Students' preferences for seating arrangements and their engagement in cooperative learning activities in college English blended learning classrooms in higher education. *Higher Education Research & Development*, 41(4), 1356-1371. <https://doi.org/10.1080/07294360.2021.1901667>
- Yang, Y.-F., & Kuo, N.-C. (2023). Blended learning to foster EFL college students' global literacy. *Computer Assisted Language Learning*, 36(1-2), 81-102. <https://doi.org/10.1080/09588221.2021.1900874>
- Yu, T., Dai, J., & Wang, C. (2023). Adoption of blended learning: Chinese university students' perspectives. *Humanities and Social Sciences Communications*, 10(1). <https://doi.org/10.1057/s41599-023-01904-7>
- Zhang, Z., Cao, T., Shu, J., & Liu, H. (2022). Identifying key factors affecting college students' adoption of the e-learning system in mandatory blended learning environments. *Interactive Learning Environments*, 30(8), 1388-1401. <https://doi.org/10.1080/10494820.2020.1723113>